

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 469/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 11 - 2024

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Yên Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Huỳnh Hương

Ông Bùi Xuân Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 561/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 445/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970 (Xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2002, bà và ông Nguyễn Văn T sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện nay bà và ông T đã ly thân 04 năm. Nay xét thấy vợ chồng tiếp tục sống chung không đảm bảo hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Thúy N1, sinh năm 23/02/2006. Hiện con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, quá trình giải quyết vụ án đã được Toà án tổng đạt Thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và xét xử nhưng ông T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản phản hồi ý kiến.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T, hiện đang cư trú tại xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N thì xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét nguyên nhân yêu cầu ly hôn bà N trình bày là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và đã sống ly thân 04 năm nay, trong khi đó ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án giao Thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản ý kiến phản hồi, điều đó cho thấy ông T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với bà N. Hơn nữa, bà N và ông T chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng đối với nhau. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình Tòa án không công nhận bà N và ông T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Hiện con chung của bà N và ông T đã thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Văn T thì vắng mặt và không có ý kiến gì về phần tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu về phần tài sản, nợ chung thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 227, 228, 235, khoản 2 Điều 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung của bà Nguyễn Thị N và Ông Nguyễn Văn T đã thành niên nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu về phần tài sản, nợ chung thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, đã qua bà N có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005602 ngày 01/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Trần Văn Thời
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Yến Phương**

